



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY TNHH MTV
PHÀ AN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

SVC SVC SVC SVC SVC SVC
SVC SVC SVC SVC SVC SVC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY	1 – 3
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 – 5
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 26

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Phạm Châu Hà	Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Ông Phạm Văn Thông	Phó Giám đốc
- Ông Trần Văn Thanh Tú	Phó Giám đốc
- Ông Trần Quốc Long	Phó Giám đốc

Trong năm tài chính nêu trên, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty.

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Phan Hữu Hiền	Kiểm soát viên chuyên trách
- Ông Vương Đại Dương	Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Trong năm tài chính nêu trên, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với các thành viên Ban kiểm soát.

3. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranh.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang – Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang.

4. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 đăng ký lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/11/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy;



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

- Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy;
- Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi;
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính riêng từ trang 6 đến trang 26.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.234.406.998 VND
- Lợi nhuận khác	1.900.247.517 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.134.654.515 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.451.163.993 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.683.490.522 VND

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng: không có

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Chủ tịch Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính riêng.

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2015 cho Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính riêng.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chủ tịch Công ty phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Long Xuyên, ngày tháng năm 2016

CHỦ TỊCH CÔNG TY



PHẠM CHÂU HÀ



Số: 03 /2016/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Phà An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV Phà An Giang ("Công ty") được lập ngày 05 tháng 01 năm 2016, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Phà An Giang tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.




Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày tháng năm 2016



Đặng Thị Thiên Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2013-107-1



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số : B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		207.704.310.777	192.499.892.787
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	116.986.521.048	128.358.548.653
1. Tiền	111		3.986.521.048	3.358.548.653
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.000.000.000	125.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	81.654.467.414	58.008.642.298
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		393.416.843	422.272.854
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		849.095.000	1.035.928.000
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.530.736.349	6.200.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		77.881.219.222	50.350.441.444
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		7.962.920.284	4.783.020.591
1. Hàng tồn kho	141	V.3	7.962.920.284	4.783.020.591
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.4	1.100.402.031	1.349.681.245
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		208.165.308	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		892.236.723	1.349.681.245
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		205.363.563.293	234.277.366.682
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		188.523.946.637	194.498.357.317
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	187.260.316.782	193.234.727.462
- Nguyên giá	222		343.080.764.099	323.123.265.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.820.447.317)	(129.888.537.693)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	1.263.629.855	1.263.629.855
- Nguyên giá	228		1.263.629.855	1.263.629.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		2.217.643.545	12.804.820.919
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	2.217.643.545	12.804.820.919
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.8	14.621.973.111	25.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.378.026.889)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		-	1.974.188.446
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.974.188.446
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		413.067.874.070	426.777.259.469

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.364.486.903	34.275.243.424
I. Nợ ngắn hạn	310		9.479.486.303	20.873.242.824
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	397.132.000	283.257.250
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.269.295.418	439.328.954
4. Phải trả người lao động	314		275.184.000	4.343.344.386
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		82.466.667	93.279.088
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.434.374.509	8.709.912.028
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.021.033.709	7.004.121.118
II. Nợ dài hạn	330		9.885.000.600	13.402.000.600
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		60.000.000	172.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	9.825.000.600	13.230.000.600
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		393.703.387.167	392.502.016.045
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	393.703.387.167	392.502.016.045
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		385.409.644.883	386.813.320.918
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.293.742.284	5.688.695.127
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		413.067.874.070	426.777.259.469

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		151.811.686.025	140.403.963.652
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	151.811.686.025	140.403.963.652
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	125.551.918.876	130.361.380.946
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	26.259.767.149	10.042.582.706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	6.002.297.503	8.884.111.664
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	11.009.142.364	848.645.288
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		631.115.475	848.645.288
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	12.018.515.290	12.583.435.956
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.234.406.998	5.494.613.126
11. Thu nhập khác	31	VI.5	2.010.948.272	1.382.099.362
12. Chi phí khác	32		110.700.755	583.137.376
13. Lợi nhuận khác	40		1.900.247.517	798.961.986
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	11.134.654.515	6.293.575.112
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	2.451.163.993	1.386.000.670
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	8.683.490.522	4.907.574.442
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Nguyễn Vũ Linh
Người lập

Trần Thị Thu Dung
Kế toán trưởng

Phạm Châu Hà
Giám đốc
Long Xuyên, ngày 05 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	88.557.093.170	146.786.086.714
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(66.168.080.887)	(77.690.258.347)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(48.556.284.696)	(39.792.832.084)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(631.115.475)	(848.645.288)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.993.719.471)	(5.114.313.635)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	147.432.544.128	60.590.113.384
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(140.411.789.769)	(15.129.510.683)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(21.771.353.000)	68.800.640.061
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.662.050.534)	(25.432.104.221)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	91.684.637	798.961.986
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	32.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.374.691.292	7.818.153.332
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.804.325.395	(16.814.988.903)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	560.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.965.000.000)	(3.965.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.405.000.000)	(3.965.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(11.372.027.605)	48.020.651.158
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	128.358.548.653	80.337.897.495
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	116.986.521.048	128.358.548.653

Nguyễn Vũ Linh
Người lập

Trần Thị Thu Dung
Kế toán trưởng

Phạm Châu Hà
Giám đốc

Long Xuyên, ngày 05 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ Công ty Phà An Giang theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 02/08/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 437.000.000.000.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2015 là 385.409.644.883.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Vận tải, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy;
- Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy;
- Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi;
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong giai đoạn tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng:** không có.

6. **Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranh.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang – Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang.

7. **Thông tin về công ty con**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang:

- Địa chỉ: số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Hoạt động kinh doanh chính: hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, đóng tàu và cầu kiện nổi, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ,...
- Tỷ lệ lợi ích: 71,29%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 71,29%.

II. **KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. **Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại điểm 4, mục VIII của bản Thuyết minh này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản thu phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2015, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 09 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- TSCĐ vô hình – Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

5. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các khoản chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Trong năm 2015, Công ty trích quỹ lương của viên chức quản lý là 1.680.000.000 và quỹ lương của người lao động là 46.850.000.000 theo Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 22/07/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản phải nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm 2015, không có khoản chi phí đi vay nào cần được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Năm 2015, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính Phủ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại khi có quyết định chính thức về việc đánh giá doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán chứng khoán, ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 22%;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2015, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

17. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng năm trước đã được kiểm toán.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.302.572.089	2.446.560
Tiền gửi ngân hàng	2.683.948.959 (a)	3.356.102.093
Các khoản tương đương tiền	113.000.000.000 (b)	125.000.000.000
Cộng	116.986.521.048	128.358.548.653

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2015 như sau:

Khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Chi nhánh An Giang	2.022.296.324	2.319.188.181
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
- Chi nhánh An Giang	509.194.489	240.822.687
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	152.458.146	796.091.225
Cộng	2.683.948.959	3.356.102.093

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2015 như sau:

Khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – kỳ hạn 03 tháng	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – kỳ hạn 03 tháng	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – kỳ hạn 01 tháng	13.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – kỳ hạn 01 tháng	-	25.000.000.000
Cộng	113.000.000.000	125.000.000.000

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	393.416.843 (c)	422.272.854
Trả trước cho người bán ngắn hạn	849.095.000 (d)	1.035.928.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.530.736.349 (e)	6.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	77.881.219.222	50.350.441.444
- Phải thu ngắn hạn khác	77.674.219.222 (f)	50.193.441.444
- Tạm ứng	207.000.000 (g)	157.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Cộng	81.654.467.414	58.008.642.298

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 như sau:

Khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang	386.116.843	422.272.854
- Chi nhánh Công ty CP Dầu khí Mekong tại An Giang	7.300.000	-
Cộng	393.416.843	422.272.854

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

Người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại CN	361.120.000	485.000.000
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu 76	248.000.000	-
- Công ty CP Cơ khí An Giang	126.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	113.975.000	550.928.000
Cộng	849.095.000	1.035.928.000

(e) Đây là số tiền cho Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang vay.

(f) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2015 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cho Sở Tài chính tỉnh An Giang mượn	77.303.747.000	49.752.747.000
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	370.472.222	440.694.444
Cộng	77.674.219.222	50.193.441.444

(g) Đây là số tiền tạm ứng công tác của cán bộ, công nhân viên Công ty.

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	7.381.825.103 (h)	4.442.555.332
Công cụ, dụng cụ trong kho	346.092.186 (i)	340.465.259
Hàng hóa	235.002.995 (j)	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	7.962.920.284	4.783.020.591

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(h) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2015 như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên vật liệu chính	6.579.076.927	3.384.457.928
- Nhiên liệu	802.748.176	1.058.097.404
Cộng	7.381.825.103	4.442.555.332



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(i) Chi tiết số dư công cụ, dụng cụ trong kho tại ngày 31/12/2015 như sau:

Công cụ, dụng cụ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vé phà, vé cầu đường	251.664.382	267.735.684
- Công cụ, dụng cụ	4.879.404	24.814.775
- Thẻ nhựa	89.548.400	47.914.800
Cộng	346.092.186	340.465.259

(j) Chi tiết số dư hàng hóa tại ngày 31/12/2015 như sau:

Hàng hóa	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dầu Do 0,05S	99.242.946	-
- Xăng Ron 95	69.551.906	-
- Xăng Ron 92	65.168.835	-
- Nhớt Total 80W - 90	638.400	-
- Nhớt Total 20W - 40	400.908	-
Cộng	235.002.995	-

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	208.165.308 (k)	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	892.236.723 (l)	1.349.681.245
Cộng	1.100.402.031	1.349.681.245

(k) Chi tiết số dư chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê đất bên phụ Châu Giang	120.000.000	-
- Phí sử dụng đường bộ	5.911.579	-
- Phí internet lớp học đào tạo	690.909	-
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	81.562.820	-
Cộng	208.165.308	-

(l) Đây là số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	323.123.265.155	21.638.807.707	1.681.308.763	343.080.764.099
- Nhà cửa, vật kiến trúc	68.782.100.206	6.280.130.058	874.274.887	74.187.955.377
- Máy móc, thiết bị	1.871.509.085	663.447.266	529.401.148	2.005.555.203
- PT vận tải, TB truyền dẫn	251.313.929.745	14.535.366.883	277.632.728	265.571.663.900
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.155.726.119	159.863.500	-	1.315.589.619
Hao mòn lũy kế	129.888.537.693	26.162.117.960	230.208.336	155.820.447.317
- Nhà cửa, vật kiến trúc	16.253.077.255	1.863.891.319	-	18.116.968.574
- Máy móc, thiết bị	820.519.428	199.179.410	-	1.019.698.838
- PT vận tải, TB truyền dẫn	111.872.745.060	23.941.532.328	230.208.336	135.584.069.052
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	942.195.950	157.514.903	-	1.099.710.853

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<i>Giá trị còn lại</i>	<i>193.234.727.462</i>			<i>187.260.316.782</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	52.529.022.951			56.070.986.803
- Máy móc, thiết bị	1.050.989.657			985.856.365
- PT vận tải, TB truyền dẫn	139.441.184.685			129.987.594.848
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	213.530.169			215.878.766

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2015 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Hoán cải, nâng cấp các phà	7.607.785.548
- Cổng chào, nhà trực ca, nhà vệ sinh các phà	3.296.397.096
- Bồi hoàn bờ Chợ Mới	2.432.971.144
- Ponton bờ Chợ Mới	2.446.523.378
- Cầu dẫn bờ Chợ Mới	1.801.474.545
- Cầu dẫn phà Chợ Mới	1.506.541.221
- Hệ thống thoát nước bờ Chợ Mới	550.761.818
- Các tài sản cố định khác	1.996.352.957
Cộng	<u>21.638.807.707</u>

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2015 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Thanh lý cổng chào trạm thu phí cầu Cồn Tiên	874.274.887
- Bàn giao hệ thống điện trạm thu phí cầu Cồn Tiên cho TP. Châu Đốc	390.084.043
- Bàn giao hệ thống điện trạm thu phí cầu Cồn Tiên cho huyện An Phú	139.317.105
- Các tài sản cố định khác	277.632.728
Cộng	<u>1.681.308.763</u>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2015 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Khấu hao trong năm	26.162.117.960
Cộng	<u>26.162.117.960</u>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2015 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Thanh lý tài sản	230.208.336
Cộng	<u>230.208.336</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 60.624.431.658
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	1.263.629.855	-	-	1.263.629.855
- Quyền sử dụng đất	1.263.629.855	-	-	1.263.629.855
Hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	1.263.629.855			1.263.629.855
- Quyền sử dụng đất	1.263.629.855			1.263.629.855

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bến phụ Thuận Giang	856.092.273	-
- Gia công cầu dẫn - ponton	664.470.000	1.113.333.636
- Bến Tân Châu	453.893.636	453.893.636
- Nạo vét thông luồng các bến phà	112.550.909	112.550.909
- Xây dựng bến phà Mương Ranh	-	9.421.573.004
- Nâng cấp phà 200 tấn	-	1.206.992.460
- Các công trình khác	130.636.727	496.477.274
Cộng	2.217.643.545	12.804.820.919

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty con	25.000.000.000	10.378.026.889	25.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang (*)	25.000.000.000	10.378.026.889	25.000.000.000	-
Cộng	25.000.000.000	10.378.026.889	25.000.000.000	-

(*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang, Công ty đầu tư và nắm giữ 71,29% vốn chủ sở hữu. Số lỗ lũy kế của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang đến ngày 31/12/2014 là 11.131.743.438. Số dự phòng lũy kế đến ngày 31/12/2014 đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang là 10.378.026.889.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

Người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Minh Tuấn	170.406.000	-
- Cửa hàng Phụ tùng Ô tô Giàu	226.726.000	-
- Chi nhánh Công ty Tư vấn Xây dựng Công trình thủy I	-	174.462.250
- Các nhà cung cấp khác	-	108.795.000
Cộng	397.132.000	283.257.250

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	640.383.895	292.178.511
- Thuế thu nhập cá nhân	628.911.523	147.150.443
Cộng	<u>1.269.295.418</u>	<u>439.328.954</u>

11. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	702.551.304	659.988.191
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	16.057.789	15.916.699
- Bảo hiểm hành khách	74.826.420	69.079.160
- Chi phí bảo hành công trình	268.736.000	1.874.832.263
- Thu hoàn vốn cầu Cồn Tiên	-	5.707.521.657
- Các khoản phải trả khác	372.202.996	382.574.058
Cộng	<u>1.434.374.509</u>	<u>8.709.912.028</u>

12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	9.825.000.600 (m)	13.230.000.000
Cộng	<u>9.825.000.600</u>	<u>13.230.000.000</u>

(m) Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khu vực Đồng Tháp – An Giang	9.265.000.600	13.230.000.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang	560.000.000	-
Cộng	<u>9.825.000.600</u>	<u>13.230.000.000</u>

13. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	384.211.007.451	3.417.195.920	814.882.453	386.813.320.918
- Quỹ đầu tư phát triển	4.216.422.794	1.472.272.333	-	5.688.695.127
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	4.907.574.442	4.907.574.442	-
Cộng	<u>388.427.430.245</u>	<u>9.797.042.695</u>	<u>5.722.456.895</u>	<u>392.502.016.045</u>

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay*

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
- Vốn góp của chủ sở hữu	386.813.320.918	-	1.403.676.035	385.409.644.883
- Quỹ đầu tư phát triển	5.688.695.127	2.605.047.157	-	8.293.742.284
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	8.683.490.522	8.683.490.522	-
Cộng	392.502.016.045	11.288.537.679	10.087.166.557	393.703.387.167

Vốn góp của chủ sở hữu giảm trong năm 2015 là do:

	Số tiền
- Thanh lý công chào trạm thu phí cầu Cồn Tiên	874.274.887
- Bàn giao hệ thống điện trạm thu phí cầu Cồn Tiên cho TP. Châu Đốc	390.084.043
- Bàn giao hệ thống điện trạm thu phí cầu Cồn Tiên cho huyện An Phú	139.317.105
Cộng	1.403.676.035

Quỹ đầu tư phát triển tăng là do:

	Số tiền
- Trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2015	2.605.047.157
Cộng	2.605.047.157

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

(a) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm trước*

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Bến An Hòa	51.711.797.666	42.632.796.130	9.079.001.536	17,56%
- Bến Trà Ôn	8.619.132.391	5.181.088.368	3.438.044.023	39,89%
- Bến Ô Môi	1.294.348.985	4.005.219.195	(2.710.870.210)	(209,44%)
- Bến Nặng Gù	9.813.114.367	11.704.113.532	(1.890.999.165)	(19,27)
- Bến Châu Giang	24.805.994.791	19.238.941.946	5.567.052.845	22,44%
- Bến Khánh Bình	325.144.194	1.114.681.601	(789.537.407)	(242,83%)
- Bến phụ Châu Giang	10.863.563	6.878.686	3.984.877	36,68%
- Bến Tân An	5.118.430.230	4.048.166.758	1.070.263.472	20,91%
- Bến Tân Châu	14.039.227.921	14.745.034.016	(705.806.095)	(5,03%)
- Bến Thuận Giang	14.139.905.207	13.391.037.988	748.867.219	5,30%
- Bến Mương Ranh	3.912.729.247	7.549.737.795	(3.637.008.548)	(92,95%)
- Trạm thu phí cầu Cồn Tiên	6.242.366.000	6.743.684.931	(501.318.931)	(8,03%)
- Liên kết đào tạo	370.909.090	-	370.909.090	100,00%
Cộng	140.403.963.652	130.361.380.946	10.042.582.706	7,15%

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Bến An Hòa	58.444.452.740	40.282.137.237	18.162.315.503	31,08%
- Bến Trà Ôn	9.448.759.458	5.627.377.231	3.821.382.227	40,44%
- Bến Ô Môi	1.210.081.710	3.318.599.080	(2.108.517.370)	(174,25%)
- Bến Năng Gù	10.701.528.144	11.921.995.493	(1.220.467.349)	(11,40%)
- Bến Châu Giang	27.691.661.188	19.707.738.613	7.983.922.575	28,82%
- Bến Khánh Bình	193.822.576	1.111.766.357	(917.943.781)	(473,60%)
- Bến phụ Châu Giang	25.461.219	568.925.380	(543.464.161)	(2.134,48%)
- Bến Tân An	6.196.504.817	3.997.611.680	2.198.893.137	35,49%
- Bến Tân Châu	16.102.269.744	16.681.014.878	(578.745.134)	(3,59%)
- Bến Thuận Giang	15.908.433.489	13.369.490.957	2.538.942.532	15,96%
- Bến Mương Ranh	4.339.256.127	8.204.713.033	(3.865.456.906)	(89,08%)
- Cửa hàng Xăng dầu	538.545.723	485.306.149	53.239.574	9,89%
- Liên kết đào tạo	1.010.909.090	275.242.788	735.666.302	72,77%
Cộng	151.811.686.025	125.551.918.876	26.259.767.149	17,30%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	5.745.163.514	8.256.522.776
- Lãi cho vay	257.133.989	627.588.888
Cộng	6.002.297.503	8.884.111.664

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	631.115.475	848.645.288
- Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10.378.026.889	-
Cộng	11.009.142.364	848.645.288

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	8.467.215.921	8.103.513.825
- Chi phí vật liệu quản lý	120.366.605	90.597.501
- Chi phí đồ dùng văn phòng	193.421.307	713.521.312
- Chi phí khấu hao TSCĐ	761.094.574	750.181.827
- Thuế, phí và lệ phí	910.290.000	927.094.990
- Chi phí dự phòng	-	571.400.639
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.174.521	1.427.125.862
- Chi phí bằng tiền khác	1.293.952.362	-
Cộng	12.018.515.290	12.583.435.956

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu tiền cho thuê vẽ quảng cáo trên phà, cho thuê mặt bằng	276.212.423	353.520.070
- Thu tiền vé năm, thẻ miễn phí, thẻ ưu tiên qua phà	9.614.546	64.552.734
- Thu tiền dầu các phà	59.656.681	113.484.289
- Thanh lý, nhượng bán vật tư, tài sản	146.234.637	260.609.180
- Thu nhập từ lợi nhuận để lại của trạm thu phí cầu Cồn Tiên	1.392.848.398	-
- Thu nhập từ liên kết đào tạo	-	127.454.546
- Thu khác	126.381.587	462.478.543
Cộng	2.010.948.272	1.382.099.362

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.451.163.993	1.386.000.670
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.451.163.993	1.386.000.670

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2015	11.134.654.515
<i>Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế</i>	<i>7.000.000</i>
- Chi phí không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định	7.000.000
Lợi nhuận tính thuế năm 2015	11.141.654.515
Trừ: - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.451.163.993
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2015	8.683.490.522
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	2.605.047.157
- Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành	216.900.000
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.861.543.365
Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2015	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**
không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:** không có
- Thông tin về các bên có liên quan:**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31/12/2015, các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang	360 đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Công ty con

Số dư với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.530.736.349

Các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang	Thu hồi nợ vay	3.669.263.651
	Lãi cho vay	257.133.989
	Cho thuê quyền sử dụng đất	109.090.909
	Mua nhiên liệu	19.915.892.506
	Sửa chữa phà	1.033.029.091
	Mua lại Cửa hàng Xăng dầu	1.867.629.000



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. **Thông tin so sánh:** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán.

	<u>01/01/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Phải thu ngắn hạn khác	50.350.441.444	50.193.441.444
- Tài sản ngắn hạn khác	-	157.000.000

5. **Thông tin về hoạt động liên tục:** Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Chủ tịch Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. **Thay đổi chính sách kế toán:** Ngày 22/12/2014 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Số liệu đầu năm trên báo cáo tài chính được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN VŨ LINH

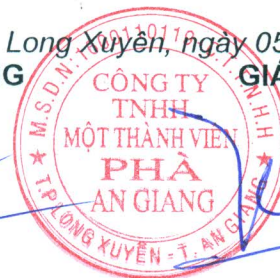
KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ THU DUNG

Long Xuyên, ngày 05 tháng 01 năm 2016

GIÁM ĐỐC



PHẠM CHÂU HÀ